

Bản án số: 114/2024/HNST
Ngày: 05-8-2024
Về việc tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Thế Dũng
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hải
Ông Đặng Song Hoàn

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- **Đại diện VKSND TP. tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị H - Kiểm sát viên.

Ngày 05-8-2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 365/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106A/2024/QĐSTXX-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 71/QĐST-HPT ngày 29-7-2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Hoàng Ngọc B, sinh năm 1973 (Vắng mặt);
Địa chỉ thường trú: Hồ Thôn, xã Đ, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa.
Địa chỉ liên hệ: H B, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

- **Bị đơn:** Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1976 (Vắng mặt);
Địa chỉ liên hệ: Phòng 17, C cứ số A, đường T, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. **Nguyên đơn ông Hoàng Ngọc B trình bày:** Ông và bà Hoàng Thị N tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại U, TP. vào ngày 23-4-2004, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 231. Sau kết hôn thời gian đầu, vợ chồng chung sống tương đối hạnh phúc. Sau đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp, thường xuyên xảy ra va chạm. Mặc dù, hai bên đã hòa giải, hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng dẫn đến vợ chồng ly thân từ năm 2018 đến nay, mỗi người sống một nơi;

Ông và 02 con sống tại Thanh Hóa, còn bà N sống tại Vũng Tàu, không ai quan tâm đến ai. Thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông khởi kiện bà Hoàng Thị N (sinh năm 1976, địa chỉ: P, Chung cư S, đường T, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu giải quyết các vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Ông yêu cầu được ly hôn với bà Hoàng Thị N.

- Về con chung: Ông và bà N có 02 con chung, gồm: Hoàng Tuấn A, sinh ngày 02-6-2006 (đã trưởng thành) và Hoàng Trung A1, sinh ngày 19-10-2007. Ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi Hoàng Trung A1 để cháu ổn định học tập, vì cháu đã sinh sống, học tập với ông tại Thanh Hóa từ năm 2018 đến nay. Ông không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay, ông đang công tác tại Thanh Hóa, đường xá xa xôi, nghỉ việc để có mặt tại theo giấy triệu tập của Tòa án nhiều thì ảnh hưởng đến công việc nên ông không thể tham gia các buổi làm việc, hòa giải, xét xử tại Tòa án được. Để không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án, ông làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, hòa giải, xét xử (sơ thẩm, phúc thẩm) vụ án nêu trên. Ngoài ra, ông không có yêu cầu nào khác.

2. Bị đơn bà Hoàng Thị N trình bày: Sau khi tìm hiểu, bà và ông Hoàng Ngọc B tự nguyện kết hôn và đăng ký hôn tại UBND phường U, thành phố V vào ngày 23-4-2004. Thời gian đầu vợ chồng sống chung tương đối hạnh phúc. Sau đó, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp, hai bên đã cố gắng hòa giải, hàn gắn, cùng nói chuyện để tìm phương án giải quyết nhưng không thành. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng dẫn đến ly thân từ năm 2018 đến nay, mỗi người sống một nơi; Ông B cùng 02 con chung sinh sống tại Thanh Hóa, còn bà vẫn sống tại Vũng Tàu, không ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng phai nhạt. Trước yêu cầu khởi kiện của ông B, bà có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Bà đồng ý ly hôn với ông Hoàng Ngọc B.

- Về con chung: Bà và ông B có 02 con chung, gồm: Hoàng Tuấn A, sinh ngày 02-6-2006 (đã trưởng thành) và Hoàng Trung A1, sinh ngày 19-10-2007. Hiện nay 02 con chung là Tuấn A và Trung A1 đang sống cùng ông B tại Thanh Hóa. Để ổn định cuộc sống và học tập của con, bà đồng ý nhường quyền cho ông B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trung A1, bà không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do công việc của bà bận, để tránh không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án, bà làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, hòa giải, xét xử (sơ thẩm, phúc thẩm) vụ án nêu trên. Ngoài ra, bà không có yêu cầu nào khác.

3. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

- Về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện, mâu thuẫn giữa vợ chồng ông B, bà N là có thật. Cả hai bên đều thừa nhận, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, thường xuyên xảy ra va chạm nhau, không hạnh phúc dẫn đến ly thân mỗi người một sống nơi, không ai quan tâm đến ai từ năm 2018 đến nay, do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận ly hôn của các đương sự; Về con chung, ông B, bà N có 02 con chung, gồm: Hoàng Tuấn A, sinh ngày 02-6-2006 (đã trưởng thành) và Hoàng Trung A1, sinh ngày 19-10-2007. Hiện nay, Hoàng Trung A1 đang sinh sống cùng ông B tại Thanh Hóa, để ổn định cuộc sống, học tập của cháu Trung A1, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Trung A1 cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng và bà N không cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung, đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Hoàng Ngọc B và bà Hoàng Thị N tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại U, thành phố V. Nay ông B có đơn yêu cầu ly hôn với bà N. Bà N cư trú, sinh sống tại Vũng Tàu. Do đó, xác định đây là vụ án tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 3 Điều 36 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Cả nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Xét nội dung các yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1]. Về hôn nhân: Ông B, bà N đăng ký kết hôn tại U, thành phố V, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 231 ngày 23-11-2004 nên hôn nhân là hợp pháp.

Cả ông B và bà N đều thừa nhận, vợ chồng kết hôn và đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Sau kết hôn thời gian đầu, vợ chồng chung sống tương đối hạnh phúc. Sau đó phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, thường xuyên xảy ra va chạm nhau, không hạnh phúc, hai bên đã ngồi hòa giải, hàn gắn tình cảm nhưng không thành dẫn đến vợ chồng ly thân mỗi người sống một nơi từ năm 2018 đến nay; Ông B và 02 con chung sinh sống tại Thanh Hóa, bà N sinh sống tại thành

phố V, không ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng phai nhạt; Ông B yêu cầu ly hôn, bà N đồng ý; Về con chung, ông B yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Trung A1, không yêu cầu bà N cấp dưỡng, bà N đồng ý; Về tài sản chung, nợ chung, cả hai không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, cả nguyên đơn và bị đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử xét, tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng ông B, bà N là có thật. Mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến vợ chồng ly thân sống mỗi người một nơi trong thời gian tương đối dài từ năm 2018 đến nay, không ai quan tâm ai, tình cảm vợ chồng phai nhạt, ông B yêu cầu ly hôn, bà N đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận về việc thuận tình ly hôn của ông B và bà N theo Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Ông B và bà N có 02 con chung, gồm: Hoàng Tuấn A, sinh ngày 02-6-2006 (đã trưởng thành) và Hoàng Trung A1, sinh ngày 19-10-2007. Ông B yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu bà N cấp dưỡng; Bà N đồng ý. Hội đồng xét xử xét, để không ảnh hưởng đến việc học tập và ổn định cuộc sống của cháu Trung A1, Hội đồng xét xử giao cháu Trung A1 cho ông B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Bà N không cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con mà không ai được cản trở.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông B phải nộp 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 2, 3 Điều 36; Điều 39; Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng các Điều 55, 81, 82, 83, 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Tuyên xử:

[1]. Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn của ông Hoàng Ngọc B và bà Hoàng Thị N.

[2]. Về con chung: Ông B và bà N có 02 con chung, gồm: Hoàng Tuấn A, sinh ngày 02-6-2006 (đã trưởng thành) và Hoàng Trung A1, sinh ngày 19-10-2007. Hội đồng xét xử giao cháu Hoàng Trung A1 cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng; Bà N không cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, trên cơ sở yêu cầu của một hoặc các bên đương sự hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức theo qui định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo qui định của pháp luật.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông B phải nộp 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000251 ngày 26-6-2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Vũng Tàu. Ông B đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh BR-VT;
- VKSND TP. Vũng Tàu;
- Chi cục thi hành án DS TP. Vũng Tàu;
- UBND Phường 12, thành phố Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**T M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thế Dũng